

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 506 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại trà
tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

Căn cứ Quyết định số 2426/QĐ-TTg ngày 28/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”;

Căn cứ Chương trình hành động số 35-CTr/TU ngày 15/01/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

Căn cứ Nghị quyết số 73-NQ/TU ngày 10/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang (Khóa XVI) về huy động trẻ đi nhà trẻ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2021-2025; Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình công tác năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Căn cứ Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 20/01/2021 của Tỉnh ủy về Kế hoạch thực hiện Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 22/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung nội dung quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến 2030 tại Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 22/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 129/TTr-SGDĐT ngày 17/8/2021 về việc đề nghị ban hành Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại trà tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại trà tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025, với nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đổi mới mạnh mẽ giáo dục theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin; khắc phục tồn tại, hạn chế trong giai đoạn 2016-2020; tạo sự chuyển biến về chất lượng và hiệu quả đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo, có đủ phẩm chất và năng lực chuyên môn. Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất trường lớp theo hướng kiên cố hóa, đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới. Phấn đấu đưa chất lượng giáo dục của tỉnh phát triển vượt bậc, đạt top 5 trong các tỉnh miền núi phía Bắc.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

2.1. Nâng cao chất lượng giáo dục

a) Cấp Mầm non: Huy động trẻ đi nhà trẻ phấn đấu đạt 50%; 99,9% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được đến trường; tỷ lệ trẻ mầm non ngoài công lập đạt từ 8,0% trở lên; 100% nhóm, lớp mầm non học 2 buổi/ngày; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm 0,3%/năm, thể thấp còi giảm 0,2%/năm.

b) Cấp Tiểu học: Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; học sinh được học 2 buổi/ngày đạt 80% trở lên; 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 được học ngoại ngữ (Tiếng Anh) và tin học.

c) Cấp Trung học cơ sở (THCS): Huy động trên 99% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6; hằng năm, điểm trung bình các môn thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT tăng tối thiểu 5% so với năm học trước.

d) Cấp Trung học phổ thông (THPT): Tuyển 80% học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT và giáo dục thường xuyên; điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp THPT tối thiểu bằng điểm trung bình các môn thi toàn quốc.

đ) Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phấn đấu 3/7 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, thành phố Tuyên Quang đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3. Phấn đấu ít nhất 35% học sinh tốt nghiệp THCS tham gia đào tạo trình độ trung cấp nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên kết hợp đào tạo nghề với học văn hóa chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT.

2.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ

Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn: Mầm non 98% trở lên; Tiểu học 80% trở lên; THCS 89% trở lên; THPT 100%.

2.3. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

a) Tỷ lệ phòng học kiên cố các bậc học đạt trên 65%; các trường mầm non có đủ trang thiết bị dạy học; 100% các trường phổ thông đảm bảo đủ các điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

b) Số trường đạt chuẩn quốc gia: Mầm non đạt 53%, tiểu học đạt 70%, THCS đạt 70%, THPT đạt 35%.

2.4. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục

Tổng số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông được đánh giá ngoài tối thiểu đạt 80% (*Chi tiết có phụ lục kèm theo*).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao vai trò chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp

Tăng cường vai trò chỉ đạo, điều hành của chính quyền, sự phối hợp của các ban, ngành, tổ chức đoàn thể nhằm tạo sự đồng thuận cao trong việc thực hiện nhiệm vụ đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục. Đưa chỉ tiêu về nâng cao chất lượng giáo dục vào kế hoạch phát triển giáo dục ở địa phương để chỉ đạo tổ chức thực hiện; ban hành các văn bản chỉ đạo, giao trách nhiệm cụ thể cho cấp ủy đảng các cơ sở giáo dục đào tạo, các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn về công tác nâng cao chất lượng học sinh.

Tiếp tục thực hiện phân cấp quản lý giáo dục, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo, điều hành. Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa ngành Giáo dục và Đào tạo với các ngành, các cấp, các lực lượng xã hội; tăng cường thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội đối với chất lượng và hiệu quả giáo dục. Đề cao vai trò, trách nhiệm của hiệu trưởng trong thực hiện phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

2. Tham mưu, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù góp phần nâng cao chất lượng giáo dục

Tham mưu, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại trà một cách bền vững, bao gồm: Chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao; chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo nâng cao trình độ sau đại học; chính sách hỗ trợ học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia đi đào tạo ngành sư phạm, giai đoạn 2022-2026; chính sách khuyến khích phát triển giáo dục phổ thông ngoài công lập trên địa bàn tỉnh; cơ chế hỗ trợ kinh phí dạy học buổi 2 đối với cấp tiểu học ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; quy định danh mục và mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của các cơ sở giáo dục công lập; điều chỉnh định mức chi thường xuyên cho các trường công lập đáp ứng yêu cầu dạy và học; cơ chế hỗ trợ kinh phí hoạt động của Tổ Tư vấn chuyên môn các cấp học.

3. Tăng cường công tác tuyên truyền về nâng cao chất lượng giáo dục

Nâng cao nhận thức, hành động, tinh thần trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của việc đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền trên cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng, tạo sự đồng thuận, ủng hộ của toàn xã hội.

Tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” và Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Tăng cường tuyên truyền về phân luồng và định hướng nghề nghiệp; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường.

Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh và học sinh về yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông là nhiệm vụ chính trị trọng tâm và thường xuyên, là sứ mệnh của mỗi đơn vị và mỗi nhà trường, từ đó tạo sự đồng thuận, quyết tâm cao trong quá trình phối hợp để triển khai thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và công tác phân luồng học sinh sau THCS, THPT

Đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục; vận dụng các phương pháp dạy học tiên tiến, phù hợp với thực tiễn để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ; tiếp tục triển khai có hiệu quả việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số; tổ chức cho trẻ em làm quen với ngoại ngữ và tin học ở những nơi có điều kiện; xây dựng, nhân rộng các mô hình phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; huy động sự đóng góp của nhân dân, kết hợp với chính sách hỗ trợ của Nhà nước để nâng cao tỷ lệ trẻ được ăn bán trú tại trường và cải thiện chất lượng bữa ăn bán trú cho trẻ; hỗ trợ phòng chống suy dinh dưỡng đối với trẻ mầm non thông qua chế độ chăm sóc dinh dưỡng phù hợp, kết hợp với giáo dục phát triển vận động, triển khai hiệu quả chương trình sữa học đường; nâng cao tỷ lệ huy động và chất lượng chăm sóc trẻ ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Chủ động, tích cực triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; biên soạn và triển khai tài liệu giáo dục địa phương đảm bảo tính khoa học, thực tiễn, liên thông, thống nhất giữa các môn học, cấp học; triển khai mô hình giáo dục STEAM/STEM ở các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông. Đổi mới phương pháp dạy học theo đặc thù bộ môn trên cơ sở phân hóa đối tượng, các căn cứ về điều kiện, loại hình năng lực, phẩm chất cần phát triển ở học sinh để lựa chọn hình thức tổ chức dạy học phù hợp; tăng cường các hoạt động trải nghiệm sáng tạo và ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong tổ chức dạy học thông qua việc sử dụng các mô hình học tập kết hợp giữa lớp học truyền thống với lớp học trực tuyến. Thực hiện thí điểm dạy học các môn khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh và tổ chức dạy học tự chọn ngoại ngữ 2 ở cấp THPT.

Tăng cường công tác kiểm tra, tư vấn chuyên môn, ưu tiên các đơn vị ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; tăng cường sinh hoạt chuyên môn trong trường, liên trường theo hướng nghiên cứu bài học để lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với năng lực học sinh. Phân công các trường có chất lượng giáo dục tốt giúp đỡ, hỗ trợ các đơn vị vùng sâu, vùng xa. Ban hành chính sách, giải pháp hỗ trợ để phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động của Tổ Tư vấn chuyên môn các cấp học; tích cực trung cầu, tham vấn ý kiến những chuyên gia, người có kinh nghiệm về giáo dục và đào tạo để tham mưu, đề xuất các giải pháp đột phá thực hiện hiệu quả nhiệm vụ nâng cao chất lượng dạy và học.

Thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; đổi mới phương pháp dạy học với học sinh dân tộc thiểu số; tăng cường dạy học tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1; chú trọng giáo dục đoàn kết, văn hóa truyền thống các dân tộc cho học sinh; thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người dạy, người học.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ. Tăng cường hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ; xây dựng môi trường học và sử dụng ngoại ngữ; tăng cường dạy và học ngoại ngữ trên các phương tiện truyền thông; xây dựng mô hình học tiếng Anh trực tuyến, lớp học “không biên giới” đa dạng hóa hình thức kết nối với giáo viên bản ngữ để nâng cao kỹ năng nghe, nói cho giáo viên và học sinh; phối hợp với các trung tâm ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh thực hiện chương trình tiếng Anh hỗ trợ do giáo viên người nước ngoài giảng dạy theo nguyên tắc tự nguyện, đáp ứng nhu cầu của người học. Đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm các nguồn tài trợ phi chính phủ, các học bổng quốc tế cho giáo viên và học sinh học tập để nâng cao trình độ; tăng cường các hoạt động giao lưu chia sẻ kinh nghiệm, dạy học trực tuyến của giáo viên tiếng Anh trong tỉnh với các nước trên thế giới.

Đẩy mạnh, giao chỉ tiêu phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh sau tốt nghiệp THPT; thực hiện hiệu quả Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp; khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cao đẳng, đại học trong định hướng đào tạo, tạo việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi ra trường.

5. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên

Thực hiện sắp xếp, tuyển dụng bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm và triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; bố trí hợp lý giáo viên các cấp học gắn với sắp xếp giảm điểm trường lẻ, không để tình trạng thừa, thiếu giáo viên giữa các đơn vị trong từng địa phương và trên địa bàn tỉnh. Bố trí đủ định mức giáo viên mầm non, tiểu học để dạy học 2 buổi/ngày hoặc hỗ trợ kinh phí dạy học buổi 2 cho các trường tiểu học ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông; đề xuất Chính phủ bổ sung biên chế giáo viên cho tỉnh, đặc biệt là cấp mầm non và tiểu học.

Thực hiện phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu đào tạo giáo viên theo nhu cầu xã hội quy định tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm. Thực hiện khảo sát, đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên trên địa bàn tỉnh; tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ giáo viên; bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị cho cán bộ quản lý; kết hợp bồi dưỡng tập trung với từ xa, đẩy mạnh tự bồi dưỡng nhằm từng bước chuẩn hóa đội ngũ đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Tổ chức thực hiện đúng kế hoạch nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

Thực hiện thi tuyển chức danh hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn đối với các trường mầm non, phổ thông để lựa chọn, bổ nhiệm lãnh đạo quản lý có đức, có tài, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong tình hình mới.

Tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong thực thi công vụ, nhiệm vụ đối với đội ngũ công chức, viên chức ngành giáo dục nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ làm việc và hiệu quả công việc; nâng cao năng lực, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhà giáo. Thực hiện nghiêm túc quy định đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức làm căn cứ để bố trí, sử dụng, đào tạo và quy hoạch, bổ nhiệm cũng như công tác khen thưởng, kỷ luật viên chức hằng năm.

6. Đổi mới công tác quản lý giáo dục và tăng cường công tác quản lý chất lượng

Triển khai thực hiện Nghị định 24/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Khắc phục triệt để bệnh thành tích trong giáo dục; nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục theo hướng giao quyền tự chủ cho các nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục; nâng cao năng lực quản trị, trách nhiệm giải trình của người đứng đầu và cá nhân thực hiện nhiệm vụ; thực hiện tốt chức năng giám sát và kiểm tra của cấp trên. Củng cố kỷ cương, nề nếp trong dạy học, kiểm tra, đánh giá. Đề cao tinh thần đổi mới và sáng tạo trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên xây dựng kế hoạch, chương trình công tác cụ thể gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao để thực hiện các mục tiêu, chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục đã đề ra. Lấy kết quả thực hiện làm căn cứ đánh giá xếp loại cơ quan, đơn vị, nhà trường, cán bộ quản lý, giáo viên và là căn cứ luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm.

Thực hiện “đặt hàng”, “giao nhiệm vụ” cho trưởng phòng, phó trưởng phòng chuyên môn thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; trưởng phòng, phó trưởng phòng giáo dục và đào tạo các huyện, thành phố; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường học, tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá, việc thúc đẩy nâng cao chất lượng dạy và học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục thực hiện công tác khảo thí theo hướng đánh giá năng lực người học, bảo đảm công bằng, khách quan, chính xác, tin cậy, minh bạch: Chuẩn hóa đầu ra và các điều kiện đảm bảo chất lượng trên cơ sở ứng dụng các thành tựu mới về khoa học giáo dục, khoa học công nghệ và khoa học quản lý; công khai chất lượng giáo dục, các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và tài chính của các trường; thực hiện giám sát xã hội đối với chất lượng và hiệu quả giáo dục; đổi mới kiểm tra, đánh giá, tổ chức các kỳ thi ở tất cả các khâu như ra đề, coi, chấm thi; cấu trúc bài thi theo hướng liên thông đáp ứng kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, quốc gia, quốc tế. Tổ chức xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi chuẩn hóa phục vụ các kỳ thi học sinh giỏi, tuyển sinh, khảo sát chất lượng; đồng thời hỗ trợ các cơ sở giáo dục xây dựng đề phục vụ kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ các môn học.

Thực hiện phương châm “Học thật, thi thật, chất lượng thật”, giao chất lượng giáo dục học sinh đầu ra cho cán bộ quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục phổ thông; hằng năm giao chỉ tiêu nâng cao điểm trung bình các môn thi tuyển sinh vào lớp 10 cho các Phòng Giáo dục và Đào tạo; giao chỉ tiêu nâng cao điểm trung bình môn thi tốt nghiệp THPT so với điểm trung bình toàn quốc cho các trường THPT; tổ chức đối sánh điểm thi và học bạ, phân tích kết quả đối sánh làm căn cứ để đổi mới công tác quản lý, đổi mới việc dạy và học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài, cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia. Triển khai hệ thống phần mềm kiểm định, đánh giá chất lượng giáo dục các trường, phòng giáo dục và đào tạo.

Tiếp tục thực hiện khảo sát thử nghiệm PISA, PASEC theo chu kỳ; thực hiện tốt công tác chuẩn bị về dữ liệu hiệu trưởng, giáo viên, học sinh và các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn lực để tham gia khảo sát thử nghiệm và đánh giá định kỳ bảo đảm đúng các yêu cầu kỹ thuật của quốc tế và Việt Nam. Từng bước tiếp cận và triển khai thực hiện đánh giá quốc gia trên diện rộng theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Tiếp tục thực hiện rà soát mạng lưới trường, lớp các bậc học để thực hiện sắp xếp, dồn ghép các điểm trường lẻ, thành lập các trường liên cấp theo lộ trình nhằm tập trung và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Tiếp tục đầu tư, tăng cường quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học hiện có. Sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách của các chương trình, dự án, lồng ghép các nguồn vốn nhằm tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học các bậc học, tập trung đầu tư mua sắm trang thiết bị theo hướng chuẩn hóa, hiện đại; tăng cường đầu tư phòng học thông minh, phòng sinh hoạt chuyên môn, dự giờ trực tuyến.

Tích cực thực hiện việc huy động nguồn lực từ sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân để thực hiện đầu tư về cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học cho các nhà trường và các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

8. Đổi mới, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra

Kiện toàn tổ chức bộ máy Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo, công tác viên thanh tra giáo dục đảm bảo đủ về số lượng, cơ cấu, phù hợp nhiệm vụ quản lý nhà nước và mục tiêu hoạt động thanh tra theo yêu cầu đổi mới giáo dục; tăng cường công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức thanh tra, công tác viên thanh tra giáo dục nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả trong hoạt động thanh tra, kiểm tra.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý nhà nước gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cơ bản của ngành. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra xây dựng hằng năm theo hướng đổi mới, trọng tâm, trọng điểm, bám sát nhiệm vụ năm học; tập trung thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, quản trị của người đứng đầu đơn vị trong chỉ đạo, thực hiện nội dung, chương trình đổi mới giáo dục phổ thông như: Xây dựng kế hoạch; phân công giáo viên đảm bảo chuyên môn; quản lý chương trình giáo dục; sử dụng thiết bị dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá người học; các điều kiện đảm bảo cho dạy và học; việc triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, bồi dưỡng, tập huấn giáo viên,... nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Thực hiện nghiêm túc việc công khai kết quả thanh tra, kiểm tra. Đẩy mạnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện khắc phục sau thanh tra, kiểm tra; xử lý nghiêm minh, kịp thời, đúng pháp luật đối với tập thể, cá nhân vi phạm.

9. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, tăng cường hợp tác trong giáo dục

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục khi xây dựng kế hoạch năm học, cần chú trọng giải pháp thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình thông qua vai trò của giáo viên, nhất là giáo viên chủ nhiệm lớp, hệ thống số liên lạc điện tử, điện thoại và các phương tiện truyền thông qua mạng internet rất thông dụng hiện nay như thư điện tử, zalo, viber, messenger, facebook... để thường xuyên nắm bắt tình hình gia cảnh, diễn biến tâm lý của học sinh; kịp thời thông tin đến cha mẹ học sinh tình hình tu dưỡng, rèn luyện và kết quả học tập của con em họ, qua đó động viên, chia sẻ và uốn nắn từng biểu hiện hành vi của học sinh. Thường xuyên đến thăm gia đình học sinh, chia sẻ hoàn cảnh, giúp đỡ học sinh tiến bộ, vận động học sinh đến trường, nhất là những giáo viên công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực để phát triển mạng lưới trường, lớp, cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Tiếp tục thực hiện các chính sách đã ban hành và các giải pháp cần thiết để phát triển mạnh đi đôi với quản lý chặt chẽ giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập; thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 20/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường công tác quản lý về hội nhập quốc tế; tích cực, chủ động trong nghiên cứu, giao lưu, hợp tác; thúc đẩy hội nhập, tiếp thu phương pháp, công nghệ, mô hình giáo dục khoa học tiên tiến, phù hợp để ứng dụng vào quản lý, điều hành; ứng dụng khoa học và công nghệ trong dạy và học, hoạt động giáo dục.

10. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng các phòng học thông minh ở những nơi có điều kiện, đầu tư đồng bộ và nâng cao chất lượng các phòng học trực tuyến và các phần mềm ứng dụng cho các trường mầm non, phổ thông để nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Tăng cường quản lý, bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến trên môi trường mạng; dự giờ, họp, sinh hoạt chuyên môn trực tuyến tại các cơ sở giáo dục; thường xuyên cập nhật nội dung các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ quản lý, giáo viên và người học.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chất lượng giáo dục; sử dụng có hiệu quả các phần mềm quản lý trường học kết nối với cơ sở dữ liệu ngành, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục tích hợp vào Cổng thông tin điện tử của tỉnh; xây dựng và hoàn thiện cổng thư viện số liên thông, chia sẻ học liệu với các đơn vị trong và ngoài tỉnh. Chuyển đổi số trong ngành giáo dục, xây dựng và thường xuyên cập nhật kho học liệu số dùng chung phục vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trong toàn ngành.

11. Đổi mới công tác thi đua - khen thưởng

Tăng cường công tác phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền về những tấm gương tập thể, cá nhân tiêu biểu trong công tác dạy và học, trong các phong trào thi đua. Quan tâm, chú trọng đến các nhân tố mới, các mô hình mới để cổ vũ, nêu gương, nhân rộng, tạo động lực phát triển và lan toả sâu rộng phong trào thi đua trong toàn ngành. Quan tâm bồi dưỡng, xây dựng phong trào thi đua ở vùng sâu vùng xa, vùng khó khăn theo hướng thiết thực, hiệu quả, đúng quy định.

Tập trung chỉ đạo, tạo sự chuyển biến rõ nét trong công tác thi đua khen thưởng; bảo đảm công khai, minh bạch với các tiêu chí thi đua rõ ràng, cụ thể gắn với hiệu quả việc triển khai thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Rà soát, sửa đổi bổ sung quy định chế độ khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt thành tích trong các kỳ thi quốc tế, khu vực quốc tế, quốc gia và kỳ thi cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí khảo sát chất lượng giáo viên phổ thông: 4.323 triệu đồng cho 8.646 người, gồm: 4.314 giáo viên Tiểu học; 2.811 giáo viên THCS; 1.521 giáo viên THPT.

2. Kinh phí xây dựng ngân hàng câu hỏi đề thi cấp THCS, THPT: 2.030 triệu đồng, gồm: Câu hỏi trắc nghiệm cho 8 môn và câu hỏi tự luận cho 1 môn.

3. Kinh phí đầu tư, mua sắm

Nguồn vốn thực hiện Đề án từ ngân sách nhà nước, các chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác đã được tổng hợp, bố trí trong Kế hoạch đảm bảo cơ sở vật chất thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành mục tiêu Đề án; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổ chức sơ kết việc triển khai thực hiện Đề án, định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Đề án theo quy định; kịp thời tham mưu, đề xuất những nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách đối với học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; cơ chế phát triển giáo dục phổ thông ngoài công lập; phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị tổ chức thực hiện đồng bộ các biện pháp, huy động và lồng ghép các nguồn lực thực hiện Đề án.

Phối hợp với Trường Đại học sư phạm tổ chức rà soát chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; tham mưu đề xuất các giải pháp điều động, luân chuyển, bố trí công việc đảm bảo phù hợp với năng lực, sở trường và đúng quy định; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên sau khảo sát.

Xây dựng quy chế phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong công tác Giáo dục và Đào tạo.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Tuyên Quang chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh để thực hiện Đề án.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các sở, ngành liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn mua sắm trang thiết bị dạy học, đảm bảo chế độ chính sách cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh thực hiện các mục tiêu của Đề án theo quy định và phù hợp với khả năng ngân sách địa phương; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao số lượng người làm việc, điều chỉnh, bổ sung số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp lĩnh vực giáo dục theo quy định. Hướng dẫn, thẩm định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao và chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ sau đại học giai đoạn 2022-2026.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quy hoạch, bố trí quỹ đất cho giáo dục cả công lập và ngoài công lập, giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục của địa phương, trong đó ưu tiên bố trí quy hoạch quỹ đất có vị trí phù hợp, thuận lợi cho xây dựng các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập; chỉ đạo và hướng dẫn việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các nhà trường.

6. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình y tế trường học, chương trình sữa học đường; chỉ đạo các cơ sở y tế tổ chức bồi dưỡng kiến thức y tế trường học cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục.

7. Các sở, ban, ngành

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án này chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thuộc lĩnh vực ngành trong xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, quy hoạch, đề án chi tiết, cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của ngành.

Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong việc triển khai thực hiện Đề án. Vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh lồng ghép sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo. Định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

8. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

Xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn. Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị tổ chức thực hiện đồng bộ nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục. Huy động, lồng ghép các nguồn lực đảm bảo cân đối vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học cho các trường trên địa bàn đảm bảo đạt chuẩn và đồng bộ; bố trí đủ diện tích đất để xây dựng, mở rộng các cơ sở giáo dục trên địa bàn ở những vị trí thuận lợi phù hợp với yêu cầu phát triển, bảo đảm các tiêu chí của trường chuẩn quốc gia. Quy hoạch và dành quỹ đất cho việc phát triển các trường ngoài công lập.

Bố trí hợp lý cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cho các trường, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên nhằm đáp ứng công tác giảng dạy và quản lý; tổ chức thi tuyển chức danh hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn các trường mầm non, phổ thông trực thuộc trên địa bàn.

Định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Đề án theo quy định.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Phối hợp với chính quyền, ngành chức năng, các tổ chức thành viên, hội viên và nhân dân tham gia thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo; động viên nhân dân tích cực tham gia thực hiện Đề án, gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo Tuyên Quang; Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng THCB;
- Lưu: VT, KGVX (Bắc).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Việt Phương

KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ NGOÀI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025*(Kèm theo Quyết định số 506 /QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Cơ sở giáo dục	Tổng số CSGD hiện có	Đã đánh giá ngoài đến năm 2021		Kế hoạch Đánh giá ngoài									
					2022		2023		2024		2025		Tổng	
			Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Mầm non	152	78	51,3	12	7,9	12	7,9	12	7,9	12	7,9	126	82,9
2	Tiểu học	136	63	46,3	12	8,8	12	8,8	12	8,8	12	8,8	111	81,6
3	Trung học cơ sở	130	64	49,2	10	7,7	10	7,7	3	2,3	11	8,5	98	75,4
4	Trung học phổ thông	30	5	16,7	4	13,3	4	13,3	4	13,3	4	13,3	21	70,0
5	Trường phổ thông có nhiều cấp học	25	4	16,0	3	12,0	5	20,0	5	20,0	5	20,0	22	88,0
6	TTGDTX	1									1	100	1	100
Cộng		474	214	45,1	41	8,6	43	9,1	36	7,6	45	9,5	379	80,0